

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-PT

Ngày 31/3/2023

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn;

Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 30 và 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và thế chấp tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thu N;

Địa chỉ: Số 49, Quốc lộ 1A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn Ph; địa chỉ: Số 175, đường L, ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 13/01/2023). (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Lý Trang N1;

Địa chỉ: Số 183, Quốc lộ 1A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lý Trang N1: Bà Hoàng Đông Th; địa chỉ: Số 675, đường N, Phường 9, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Trang N1 (văn bản ủy quyền ngày 20/02/2023). (có mặt)

2. Ông Lâm Si M;

3. Bà Kiêm Thôn Tr;

Cùng địa chỉ: Số 183, Quốc lộ 1A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lý Trang N1: Ông Nguyễn Quốc C (vắng mặt) và ông Hà Văn Ch (có mặt); Luật sư của Công ty Luật TNHH I, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Phòng 303, Tòa nhà T, số 16, đường Đ, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị Huệ L;

Địa chỉ: Số 189/3, Tỉnh lộ 932, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:*

1. Bà Trương Thu N - Nguyên đơn;

2. Bà Lý Trang N1 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thu N cũng như người đại diện hợp pháp của bà trình bày:

Bà và vợ chồng ông M, bà N1 là bạn bè với nhau. Từ ngày 16/4/2021 đến ngày 28/4/2021, bà có cho ông M, bà N1 vay tiền, cụ thể:

Ngày 16/4/2021, ông M, bà N1 cầm cho bà 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiêm Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền 770.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Thời hạn vay 09 tháng. Việc cầm sổ đỏ, vay tiền có làm giấy biên nhận, nội dung biên nhận do bà viết, bà N1 đã nhận đủ tiền và ký tên xác nhận.

Ngày 26/4/2021, ông M, bà N1 cầm cho bà 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiêm Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền 330.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Thời hạn vay 09 tháng. Việc cầm sổ đỏ, vay tiền có làm giấy biên nhận, nội dung biên nhận do bà viết, bà N1 đã nhận đủ tiền và ký tên xác nhận.

Ngày 28/4/2021, bà cho ông M, bà N1 vay số tiền 650.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận miệng 03%/tháng. Thời hạn vay 09 tháng. Việc vay tiền có làm

giấy biên nhận, nội dung biên nhận do bà viết, bà N1 đã nhận đủ tiền và ký tên xác nhận.

Sau khi nhận tiền vay, ông M, bà N1 không trả vốn vay, không trả lãi cho bà. Khi đến hạn trả tiền, bà nhiều lần yêu cầu ông M, bà N1 trả tiền nhưng ông M, bà N1 không trả, cố tình lẩn tránh. Khi ông M, bà N1 cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền, bà Tr (mẹ ruột bà N1) biết nên bà Tr phải có trách cùng ông M, bà N1 trả nợ cho bà. Do đó, bà yêu cầu ông M, bà N1 và bà Tr phải trả cho bà số tiền vay tổng cộng 1.750.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 01%/tháng, từ ngày 16/4/2021 đến tháng 06/2022 với số tiền 245.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông M, bà N1 và bà Tr liên đới trả cho bà số tiền vay tổng cộng 1.750.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay ngày 16/4/2021 và ngày 26/4/2021; yêu cầu bà N1, ông M, bà Tr phải liên đới trả tiền lãi đối với khoản vay ngày 28/4/2021, mức lãi suất 01%/tháng, từ ngày 28/4/2021 đến ngày 28/10/2022 là 18 tháng, với số tiền lãi là 117.000.000 đồng. Bà đồng ý trả lại 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiêm Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lý Trang N1 cũng như người đại diện hợp pháp của bà trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 16/4/2021 bà có cầm cho bà N 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiêm Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền 770.000.000 đồng, việc vay tiền, cầm sổ đỏ có làm giấy biên nhận nội dung do bà N viết, bà nhận đủ tiền và ký tên xác nhận; vào ngày 26/4/2021, bà cầm cho bà N 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiêm Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền 330.000.000 đồng, việc vay tiền, cầm sổ đỏ có làm giấy biên nhận nội dung do bà N viết, bà nhận đủ tiền và ký tên xác nhận và vào ngày 28/4/2021, bà vay của bà N số tiền 650.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay, việc vay tiền có làm giấy biên nhận nội dung do bà N viết, bà nhận đủ tiền và ký tên xác nhận.

Số tiền vay các ngày 16/4/2021, ngày 26/4/2021, ngày 28/4/2021 tổng cộng số tiền 1.750.000.000 đồng là các lần trong nhiều lần bà nhận tiền từ bà N đưa cho bà L vay. Sau khi nhận tiền từ bà N, bà đã giao tiền lại cho bà L, bà chỉ là người trung gian, nhận tiền từ bà N giao lại cho bà L để hưởng huê hồng, mỗi lần giao dịch thành công bà N trả công cho bà từ 100.000 đồng đến 500.000

đồng và được trừ vào tiền hụi. Trong quá trình nhận tiền từ bà N giao lại cho bà L, số tiền vay lớn (khoảng vài trăm triệu đồng) bà N bắt buộc phải có tài sản thế chấp, vì muốn có được tiền huê hồng nên bà thế chấp cho bà N 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiên Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Khi bà giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N thì bà Tr (mẹ bà) và ông M (chồng bà) không biết, số tiền nhận từ bà N thì bà đã giao hết cho bà L, không có sử dụng chung trong gia đình nên bà Tr và ông M không có nghĩa vụ phải trả tiền cho bà N.

Bà cung cấp 01 USB có đoạn ghi âm các cuộc nói chuyện giữa bà với bà N, giữa bà và bà L xoay quanh việc cho bà L vay tiền, lấy nhà đất trừ khoản nợ của bà N. Bà xác định giọng nói trong đoạn ghi âm ký hiệu “T N 1”, “T N 2”, “T N” là giọng nói của bà và bà N; giọng nói trong đoạn ghi âm ký hiệu “K L” là giọng nói giữa bà và bà L. Ngoài ra, việc nhận tiền, trả tiền cho bà N thì bà có ghi vào sổ cá nhân theo dõi, theo nội dung sổ này số tiền bà nhận từ bà N đã trả xong, cuốn sổ này bà đã giao nộp cho Tòa án. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Yêu cầu bà N phải trả lại 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiên Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lâm Si M trình bày:

Từ tháng 11/2020, bà N1 (vợ ông) giới thiệu bà L vay tiền của bà N từ 100.000.000 đồng đến vài trăm triệu đồng, thời hạn vay từ 01 ngày đến 04 - 05 ngày, lãi suất 10%/ngày, sau đó giảm xuống còn 06%/ngày. Đối với số tiền vay trên 500.000.000 đồng, bà N bắt buộc có giấy tờ thế chấp, vì muốn có được số tiền hoa hồng để đóng hụi nên bà N1 có đưa cho bà N 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiên Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, nội dung bà N khởi kiện vợ chồng ông vay tiền 03 lần để mua đất số tiền 1.750.000.000 đồng, không tính lãi, sau đó bà N rút đơn khởi kiện. Thời gian sau, bà N gửi đơn đến nơi làm việc của ông, nội dung bà N trình bày vợ chồng ông vay tiền cho người khác vay lại, qua xác minh vợ chồng ông không có vay mượn tiền như nội dung đơn nên đã trả đơn cho bà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Kiên Thôn Tr trình bày:

Bà không biết quan hệ vay tiền, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà N với bà N1 nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Yêu cầu bà N phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị Huệ L trình bày:

Bà N1 vay tiền, mượn tiền của bà N không liên quan đến bà, vì đây là chuyện riêng giữa bà N với bà N1, bà không biết. Bà N1 cho rằng bà N1 chỉ là người trung gian, nhận tiền thay cho bà là vô lý, làm ảnh hưởng đến uy tín của bà, thực tế bà không hề hay biết số tiền này và cũng không vay mượn tiền. Việc bà N1 vay mượn tiền của bà N không liên quan đến bà, bà hoàn toàn phản đối và không chịu trách nhiệm với ý kiến của bà N1.

Tại Bản án số 59/2022/DS-ST ngày 22/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 327, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu N. Buộc bà Lý Trang N1 phải trả cho bà Trương Thu N số tiền 1.777.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu đồng), gồm:

- Số tiền vốn vay ngày 16/4/2021 là 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi bảy triệu đồng);

- Số tiền vốn vay ngày 26/4/2021 là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng);

- Số tiền vốn vay, tiền lãi của khoản vay ngày 28/4/2021 là 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu N yêu cầu bà Lý Trang N1 trả tiền lãi của khoản vay ngày 28/4/2021 với số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu N yêu cầu ông Lâm Si M, bà Kiêm Thôn Tr phải liên đới cùng bà Lý Trang N1 trả tiền vốn vay, tiền lãi.

4. Bà Trương Thu N phải trả cho bà Kiên Thôn Tr 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiên Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/12/2022, bà Trương Thu N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc bà Kiên Thôn Tr và ông Lâm Si M cùng liên đới với bà Lý Trang N1 trả cho bà số tiền 1.770.000.000 đồng.

Ngày 06/12/2022, bà Lý Trang N1 cũng có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền 1.777.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị đơn ông Lâm Si M, bà Kiên Thôn Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Huệ L vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lý Trang N1 là luật sư Nguyễn Quốc C vắng mặt không rõ lý do.

Người đại diện hợp pháp của bà N không rút lại đơn khởi kiện, không rút kháng cáo; bà N1 cũng không rút kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1 là luật sư Hà Văn Ch cho rằng: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như tờ tường trình ngày 22/7/2022 (bút lục 58), đơn yêu cầu ngày 23/02/2023 của bà N1, trang chụp màn hình về tin nhắn qua Zalo giữa bà L với bà N1 (bút lục 65, 194, 195), các file ghi âm ngày 27/12/2021, ngày 02/01/2022, ngày 24/01/2022 (bút lục 187-189) có cơ sở khẳng định bà N cho bà L vay tiền thông qua sự môi giới và bảo đảm của bà N1, bà N1 được hưởng tiền hoa hồng từ bà N. Bà N căn cứ vào các giấy tờ trích từ sổ gốc có nội dung vào các ngày 16/4, 26/4 và 28/4 để cho rằng bà N1 đã mượn tiền bà với tổng số tiền 1.750.000.000 đồng và khởi kiện yêu cầu bà N1 trả số tiền này nhưng không chứng minh được thời hạn vay, thời hạn trả, lãi suất thỏa thuận giữa hai bên nên không đủ cơ sở để chứng minh bà N1 là người vay tiền. Trong giai đoạn sơ thẩm, lời khai của bà N, bà L có nhiều điểm mâu thuẫn với nhau nhưng cấp sơ thẩm chưa tổ chức đối chất giữa bà N, bà N1 và bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để làm rõ thật sự ai là người vay tiền. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tuyên hủy bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo bà N, bà N1 đều không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn ông M, bà Tr, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1 là luật sư C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng đều vắng mặt, đối với ông M, bà Tr và bà L thì có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn luật sư C thì vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của bà Trương Thu N và bà Lý Trang N1: Đơn kháng cáo của hai bà đều đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà N, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N có cung cấp cho Tòa án 03 mảnh giấy (bản chính) có nội dung vào ngày 16/4/2021, bà N1 có cầm sổ đỏ cho bà N với số tiền là 770.000.000 đồng; ngày 26/4/2021, bà N1 tiếp tục cầm sổ đỏ cho bà N với số tiền 330.000.000 đồng và ngày 28/4/2021, bà N1 mượn của bà N số tiền 650.000.000 đồng (bút lục 20-22); các tờ biên nhận này bà N1 đều có ký tên và ghi rõ họ tên; bà N và bà N1 cũng đều thừa nhận sổ đỏ mà bà N1 cầm cố là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiên Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không phải chứng minh.

[5] Theo các biên nhận bà N cung cấp nêu trên thể hiện việc vay tiền chỉ có bà N1 vay, vay không có kỳ hạn và không có lãi suất cho nên bà N được quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải cho biết trước một thời gian hợp lý. Từ đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà N1 trả cho bà N số tiền vốn vay 03 lần tổng cộng 1.750.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với khoản vay 650.000.000 đồng vào ngày 28/4/2021, tính từ ngày bà N khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm (05 tháng) với mức lãi suất 10%/năm, với số tiền lãi được làm tròn số 27.000.000 đồng là

có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 466, 469, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Bà N cho rằng việc bà N1 vay tiền của bà thì ông M (chồng bà N1) biết, việc bà N1 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tr cho bà để vay tiền thì bà Tr (mẹ ruột bà N1) cũng biết, tiền bà N1 vay về là sử dụng chung trong gia đình nên ông M, bà Tr phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà N1 trả cho bà số tiền vay và tiền lãi nêu trên. Tuy nhiên, ông M và bà Tr không thừa nhận biết việc bà N1 vay tiền của bà N, đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Tr đứng tên cầm cho bà N để vay tiền và không đồng ý liên đới với bà N1 trả tiền cho bà N, bà N1 cũng cho rằng sau khi nhận tiền bà N thì bà chuyển giao lại cho bà L, chứ không sử dụng số tiền vay để chi tiêu trong gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì nghĩa vụ chứng minh trong trường hợp này thuộc về bà N. Từ giai đoạn sơ thẩm đến giai đoạn phúc thẩm, bà N cũng như người đại diện hợp pháp của bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà N1 vay tiền bà N thì ông M, bà Tr biết và đồng ý nên bà N kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét buộc bà Tr, ông M cùng liên đới với bà N trả cho bà số tiền vay nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo của bà N1, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[8] Như đã phân tích ở trên, bà N1 đều thừa nhận có cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vay tiền từ bà N tổng cộng là 1.750.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà N không phải chứng minh. Trong các giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của bà N1 cũng không thể hiện lãi suất bao nhiêu, do đó không có cơ sở xác định bà N có hành vi cho vay nặng lãi đối với bà, không có dấu hiệu tội phạm nên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra cùng cấp là có căn cứ. Mặt khác, bà N1 cho rằng số tiền vay sau khi bà nhận từ bà N đã chuyển giao hết cho bà Trương Thị Huệ L, bà chỉ là người trung gian, giới thiệu để hưởng huê hồng. Lời trình bày này cũng không có căn cứ, bởi bà L không thừa nhận, bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền vay nêu trên là bà L vay của bà N chứ không phải bà vay, còn việc sau khi bà nhận tiền vay từ bà N rồi bà giao lại cho bà L là một giao dịch dân sự khác giữa bà với bà L, nếu bà có căn cứ chứng minh bà giao số tiền nêu trên cho bà L thì bà được quyền khởi kiện bà L thành một vụ án dân sự khác. Vì vậy, bà kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với khoản tiền 1.777.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Đối với ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1, Hội đồng xét xử thấy rằng pháp luật dân sự có quy định định hợp đồng vay tài sản có nhiều hình thức như vay không kỳ hạn và không có lãi, vay không kỳ hạn và có lãi, vay có kỳ hạn và không có lãi, vay có kỳ hạn và có lãi. Như đã phân tích, trong 03 biên nhận mượn tiền không thể hiện thời hạn vay, thời hạn trả, lãi suất nên xác định hợp đồng vay tiền giữa bà N với bà N1 là vay

không kỳ hạn và không có lãi. Đối với việc tổ chức đối chất giữa bà N, bà N1, bà L mặc dù cấp sơ thẩm không thực hiện nhưng cấp phúc thẩm cũng đã tổ chức đối chất 02 lần theo yêu cầu của bà N1 cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Tuy nhiên, việc đối chất không thể thực hiện được do không có mặt đầy đủ giữa 03 bên, đặc biệt là bà L đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt kèm theo tường trình trong suốt quá trình giải quyết vụ án và Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, cũng như Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại là không có căn cứ chấp nhận và cũng không cần thiết.

[10] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà N, bà N1 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà N, bà N1 là người kháng cáo không được chấp nhận và cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thu N và bị đơn bà Lý Trang N1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu N. Buộc bà Lý Trang N1 có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thu N số tiền vay tổng cộng là 1.777.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu đồng), bao gồm:

- Tiền vốn vay ngày 16 tháng 4 năm 2021 là 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi bảy triệu đồng);

- Tiền vốn vay ngày 26 tháng 4 năm 2021 là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng);

- Tiền vốn vay và tiền lãi của khoản vay ngày 28 tháng 4 năm 2021 là 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thu N thì hàng tháng, bà Lý Trang N1 còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu N, về việc yêu cầu bà Lý Trang N1 trả tiền lãi của khoản vay ngày 28 tháng 4 năm 2021 với số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu N, về việc yêu cầu ông Lâm Sĩ M và bà Kiên Thôn Tr phải liên đới cùng bà Lý Trang N1 trả tiền vốn vay, tiền lãi cho bà Trương Thu N.

4. Bà Trương Thu N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Kiên Thôn Tr 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 544837 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Kiên Thôn Tr tại thửa đất số 2529, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thu N phải chịu là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.925.000 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003173 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà được hoàn lại số tiền chênh lệch là 31.425.000 đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Lý Trang N1 phải chịu là 65.310.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu ba trăm mười nghìn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Trương Thu N phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005757 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự C, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

- Bà Lý Trang N1 phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005761 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự C, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Lâm